

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2024/DS-ST

Ngày: 12-8-2024

V/v tranh chấp yêu cầu thực hiện
nghĩa vụ do người chết để lại

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hoàng Kiệt

2. Ông Trần Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Út Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng: Ông Huỳnh Hải Đăng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2022/TLST-DS, ngày 16 tháng 5 năm 2022 về “Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2024/QĐXXST-DS, ngày 08/07/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2024/QĐST-DS ngày 26/7/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn L, sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp N, xã Y, huyện U, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

Bị đơn: Bà Trịnh Thị S, sinh năm 1950 (mẹ ông M1); Địa chỉ: A, xã Y, huyện U, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

Anh Nguyễn Minh M, sinh năm 2001 (con ông M1); Địa chỉ: Ấp N, xã Y, huyện U, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Kha Thị V, sinh năm 1976; Địa chỉ: Ấp N, xã Y, huyện U, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/4/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Văn L trình bày:

Ngày 23/02/2022 ông Nguyễn Văn M1 là con ruột của bà Trịnh Thị S và là cha ruột của anh Nguyễn Minh M có hỏi vay của ông Trần Văn L số tiền 105.000.000 đồng. Lãi suất hai bên thỏa thuận là 5%/tháng. Khi vay ông M1 có thể chấp cho ông L 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng (QSD) đất số: CA562857, thửa số 01, tờ bản đồ số 37-2017 do Ủy ban nhân dân huyện U Minh Thượng cấp cho ông Nguyễn Văn M1 ngày 17/5/2017, tọa lạc tại ấp Cạn Ngọn, xã Thạnh Yên, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Đến ngày 30/3/2022 thì ông M1 đột ngột qua đời. Trước khi chết ông M1 chưa trả tiền gốc và lãi cho ông L. Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông M1 hiện còn sống và đang quản lý di sản của ông M1 là bà Trịnh Thị S và anh Nguyễn Minh M. Ông L đã nhiều lần yêu cầu bà S, anh M phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền thay cho ông M1, nhưng bà S, anh M không đồng ý.

Nay ông L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trịnh Thị S (mẹ ruột ông M1) và anh Nguyễn Văn Mẫn (con ruột ông M1) phải có trách nhiệm trả cho ông L số tiền mà trước đây khi còn sống ông M1 vay của ông L là 105.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 23/02/2022 đến khi Tòa án giải quyết xong vụ kiện.

Bị đơn bà Trịnh Thị S vắng mặt tại phiên tòa. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Trịnh Thị S theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, triệu tập hợp lệ bà S đến lần thứ hai để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng bà S đều vắng mặt.

Tuy nhiên, tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 26/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng (bút lục 48-49) bị đơn bà Trịnh Thị S có ý kiến: Ông Nguyễn Văn M1 là con ruột của bà Trịnh Thị S, sau khi chết ông M1 có để lại một phần đất và căn nhà gắn liền trên đất cho con ruột là anh Nguyễn Minh M. Bà S không yêu cầu chia di sản và cũng từ chối nhận di sản do ông M1 để lại nên không đồng ý trả nợ cho ông L. Bà S cho rằng không có liên quan gì trong vụ án này nên xin được vắng mặt trong tất cả các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Yêu cầu Tòa án không triệu tập bà S khi hòa giải hay xét xử. (Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng bà Trịnh Thị S trình bày là không có nhận tiền và sử

dụng tiền vay của ông L nên không đồng ý trả nợ cho ông L. Vì tuổi đã cao đi lại khó khăn nên bà S xin được vắng mặt trong tất cả các phiên họp, hòa giải và xin vắng mặt tại các phiên tòa xét xử).

Tại biên bản hòa giải ngày 04/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, bị đơn anh Nguyễn Minh M trình bày: Đây là số nợ khi còn sống cha của anh M là ông Nguyễn Văn M1 vay của ông L. Khi vay thì ông L và ông M1 không có trao đổi hay thông báo cho gia đình anh M biết, vì vậy anh M không đồng ý trả số nợ trên cho ông L. Sau khi chết ông M1 có để lại di sản là một phần đất có diện tích 181,6 m² và một căn nhà gắn liền trên đất, số tài sản này anh M đang quản lý sử dụng. Anh M xin vắng mặt trong tất cả các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và các phiên tòa xét xử.

Tại biên bản hòa giải ngày 04/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng bà Kha Thị V trình bày: Bà Kha Thị V là vợ của ông Nguyễn Văn M1, nhưng vợ chồng đã ly hôn vào năm 2019 theo bản án số 14/2019/HNGĐ-ST ngày 16/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng. Vì vậy bà V không có liên quan hoặc trách nhiệm gì đối số nợ ông M1 vay của ông L. Bà V không có ý kiến hoặc tranh chấp gì đối với di sản do ông M1 để lại. Yêu cầu Tòa án không đưa bà V vào tham gia tố tụng, vì từ đây về sau nếu Tòa án có triệu tập thì bà V cũng sẽ không đến Tòa án.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ:

Tài liệu do nguyên đơn cung cấp: Đơn khởi kiện ngày 25/4/2022; Đơn xác nhận nơi cư trú của bị đơn; Đơn xác nhận những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn M1 (đề ngày 21/4/2022); Đơn xin xác nhận ngày tháng năm chết của ông Nguyễn Văn M1 (đề ngày 09/4/2022); Bản sao giấy chứng nhận QSD đất tên Nguyễn Văn Minh; Giấy thế chấp tài sản vay tiền ngày 23/02/2022 của ông Nguyễn Văn M1.

Bị đơn cung cấp: Không có.

Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Chứng thư định giá tài sản ngày 20/6/2024; Biên bản xác minh di sản của ông Nguyễn Văn M1 ngày 02/11/2022; Biên bản lấy lời bà Trịnh Thị S ngày 02/11/2022.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần thể hòa giải và xét xử nhưng đều vắng mặt, làm ảnh

hưởng đến thời gian giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông M1 là bà Trịnh Thị S và anh Nguyễn Minh M phải thực hiện nghĩa vụ về tài sản của ông M1 chết để lại, là trả cho ông Trần Văn L số tiền vay gốc là 105.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về việc xác định người tham gia tố tụng: Tại biên bản hòa giải ngày 04/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, bà Kha Thị V là vợ cũ của ông Nguyễn Văn M1 yêu cầu Tòa án không đưa bà V vào tham gia tố tụng vì cho rằng bà V và ông M1 đã ly hôn vào năm 2019 nên bà V không có liên quan gì đến số nợ ông M1 vay của ông L. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, tránh trường hợp sau khi xét xử, bà Kha Thị V khiếu nại Tòa án không đưa bà V vào tham gia tố tụng vì có liên quan đến di sản do ông Nguyễn Văn M1 để lại hoặc các vấn đề khác có liên quan trong vụ án, vì vậy Tòa án vẫn đưa bà Kha Thị V vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Về sự có mặt của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trịnh Thị S và anh Nguyễn Minh M đều có ý kiến là xin vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải cũng như các phiên tòa xét xử. Đồng thời người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Kha Thị V cũng yêu cầu Tòa án không đưa bà V vào tham gia tố tụng. Nhưng bị đơn bà S và anh M không có đơn xin vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có đơn từ chối tham gia tố tụng. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn triệu tập bà Trịnh Thị S, anh Nguyễn Minh M và bà Kha Thị V tham gia phiên tòa xét xử. Mặc dù được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử nhưng bà S, anh M và bà V đều vắng mặt không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trịnh Thị S, anh Nguyễn Minh M không có yêu cầu phản tố. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Kha Thị V không có yêu cầu độc lập. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ pháp luật:

Tranh chấp giữa nguyên đơn ông Trần Văn L với bị đơn bà Trịnh Thị S và

anh Nguyễn Minh M là “Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại”. Cụ thể theo đơn khởi kiện nguyên đơn ông Trần Văn L trình bày là vào ngày 23/02/2022 ông Nguyễn Văn M1 có vay của ông L số tiền là 105.000.000 đồng. Đến ngày 30/3/2022 ông M1 đột ngột qua đời chưa trả nợ cho ông L. Vì vậy ông L yêu cầu những người thừa kế của ông M1 là bà Trịnh Thị S (mẹ ruột ông M1) và anh Nguyễn Minh M (con ông M1) phải có nghĩa vụ trả cho ông L số tiền mà khi còn sống ông M1 đã vay của ông L là 105.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật.

[3]. Xét về nội dung tranh chấp:

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Văn L trình bày: Ngày 23/02/2022 ông Nguyễn Văn M1 có vay của ông Trần Văn L số tiền là 105.000.000 đồng. Lãi suất hai bên thỏa thuận là 5%/tháng. Khi vay ông M1 có thể chấp cho ông L 01 giấy chứng nhận QSD đất do ông Nguyễn Văn M1 đứng tên. Đến ngày 30/3/2022 thì ông M1 đột ngột qua đời chưa trả nợ cho ông L. Sau đám tang ông M1 khoảng 15 ngày thì ông L có đến gặp gia đình ông M1 để yêu cầu gia đình ông M1 trả số nợ trên, thì bà Nguyễn Thị Cảnh (em ruột ông M1) có nói với ông L là chỉ đồng ý trả 70.000.000 đồng, nhưng ông L không đồng ý.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trịnh Thị S và anh Nguyễn Minh M đều không đồng ý trả số nợ ông M1 vay của ông L vì cho rằng khi vay ông M1 không có trao đổi với gia đình. Ngoài ra, bà S và anh M cũng không có nhận và sử dụng số tiền của ông M1 vay, vì vậy không đồng ý trả nợ cho ông L. Bà Kha Thị V trình bày là vợ cũ của ông M1 nhưng cho rằng không có liên quan gì đến khoản nợ trên vì bà V và ông M1 đã ly hôn vào năm 2019.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Khi ông M1 còn sống, ngày 23/02/2022 ông M1 có vay của ông L số tiền là 105.000.000 đồng. Đến ngày 30/3/2022 ông M1 chết chưa trả số nợ trên cho ông L. Theo quy định tại Điều 615 Bộ luật Dân sự 2015 (quy định về việc thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại) như sau:

“1. Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

2. Trường hợp di sản chưa được chia thì nghĩa vụ tài sản do người chết để lại được người quản lý di sản thực hiện theo thỏa thuận của những người thừa kế trong phạm vi di sản do người chết để lại...”.

Theo quy định trên, thì những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn M1 phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản của ông M1 chết để lại. Hiện nay, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông M1 chỉ còn bà Trịnh Thị S (mẹ ruột ông M1) và anh Nguyễn Minh M (con ruột ông M1). Bà Kha Thị V không phải là người thừa kế của ông M1, vì theo bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 14/2019/HNGĐ-ST ngày 16/4/2029 của Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng nhận định: *“Bà V và ông M1 được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương vào năm 1996, tuy nhiên không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên hôn nhân giữa bà V và ông M1 là không hợp pháp. Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Kha Thị V với ông Nguyễn Văn M1 theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014”*.

Nên theo quy định tại điều 615 Bộ luật dân sự 2015 thì bà Trịnh Thị S (mẹ ruột ông M1) và anh Nguyễn Minh M (con ruột ông M1) phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông L trong phạm vi di sản do ông M1 chết để lại.

Sau khi qua đời ông M1 để lại di sản là một phần đất có diện tích 181,6 m², tọa lạc tại ấp Cạn Ngọn, xã Thạnh Yên, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang (giấy chứng nhận QSD đất ông M1 thế chấp cho ông L để vay tiền) và 01 căn nhà cấp 04 gắn liền trên đất. Theo bà S và anh M trình bày trong quá trình giải quyết vụ án thì toàn bộ di sản do ông M1 chết để lại do anh Nguyễn Minh M (con ruột ông M1) đang quản lý, sử dụng và di sản này chưa chia thừa kế.

Để xác định giá trị di sản do ông M1 chết để lại là bao nhiêu, ngày 26/4/2023 Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và trưng cầu định giá tài sản là phần đất có diện tích 181,6 m² và căn nhà cấp 04 gắn liền trên đất do ông M1 chết để lại, nhưng em ruột ông M1 là bà Nguyễn Thị Cảnh và vợ cũ của ông M1 là bà Kha Thị V ngăn cản không cho Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ và trưng cầu định giá tài sản. Do đó, Tòa án chỉ tiến hành trưng cầu định giá tài sản theo giấy chứng nhận QSD đất số CA 562857 do UBND huyện U Minh Thượng cấp cho ông Nguyễn Văn M1 ngày 17/5/2017 có diện tích 181,6 m², tọa lạc tại ấp Cạn Ngọn, xã Thạnh Yên, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Theo chứng thư định giá ngày 20/6/2024 của Công ty TNHH MTV Bất động sản Đất Vàng Kiên Giang thì phần đất có diện tích 181,6 m² của ông Nguyễn Văn M1 chết để lại có giá trị là 562.052.000 đồng.

Theo nội dung bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 14/2019/HNGĐ-ST

ngày 16/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng thì khi ly hôn bà Kha Thị V và ông Nguyễn Văn M1 không có yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản mà để bà V và ông M1 tự thỏa thuận (Ngoài ra bản án cũng tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Kha Thị Viện và ông Nguyễn Văn M1) nên chưa có cơ sở xác định phần đất và căn nhà gắn liền trên đất do ông M1 để lại có phải là tài sản chung của bà V và ông M1 hay không? Tại Biên bản hòa giải và Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ ngày 04/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng thì bà Kha Thị V trình bày là không có tranh chấp hoặc yêu cầu gì đối với các di sản do ông M1 chết để lại, hiện anh Nguyễn Minh M (là con bà V, ông M1) đang quản lý, sử dụng.

Tuy nhiên, nếu giả sử phần đất có diện tích 181,6 m² là tài sản chung của bà V và ông M1 thì theo quy định của pháp luật một nửa giá trị phần đất (theo chứng thư định giá) là 281.026.000 đồng vẫn thuộc quyền sở hữu của ông M1 (chưa tính đến giá trị căn nhà trên đất). Phần di sản thuộc quyền sở hữu của ông M1 sẽ được chia cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông M1 (hiện tại là bà S và anh M) theo quy định của pháp luật về thừa kế. Vì vậy theo quy định tại Điều 615 Bộ luật dân sự 2015 thì bà S và anh M phải có trách nhiệm trả nợ cho ông L trong phạm vi di sản của ông M1 để lại. Do đó, ông L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà S và anh M phải có nghĩa vụ trả số tiền là 105.000.000 đồng mà ông M1 vay của ông L khi còn sống là có cơ sở chấp nhận.

Xét yêu cầu của ông L về việc yêu cầu bà S, anh M phải trả số tiền lãi trên nợ gốc theo quy định pháp luật từ ngày 23/02/2022 đến khi Tòa án giải quyết xong vụ kiện, Hội đồng xét xử nhận thấy: Mức lãi suất giữa ông L và ông M1 thỏa thuận khi vay (5%/tháng) là cao hơn mức lãi suất do pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 ("*lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay*"), vì vậy số tiền lãi ông L yêu cầu bà S và anh M trả sẽ được tính theo mức lãi suất là không quá 20%/năm, tức là 1,66%/tháng.

Tiền lãi của số tiền 105.000.000 đồng từ ngày 23/02/2022 đến ngày 12/8/2024 (là 29 tháng 19 ngày) sẽ là: 105.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 29 tháng 19 ngày = 51.651.000 đồng.

Tổng cộng gốc và lãi là: 156.651.000 đồng. Như vậy, số tiền vay gốc và lãi (ông M1 vay của ông L) mà bà S và anh M phải có nghĩa vụ trả cho ông L tính đến ngày xét xử là 156.651.000 đồng.

Bà Trịnh Thị S phải có trách nhiệm trả cho ông Trần Văn L số tiền là 78.325.500 đồng (bảy mươi tám triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

Anh Nguyễn Minh M phải có trách nhiệm trả cho ông Trần Văn L số tiền là 78.325.500 đồng (bảy mươi tám triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

Về chi phí định giá tài sản: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bà Trịnh Thị S và anh Nguyễn Minh M phải chịu toàn bộ tiền chi phí định giá là 5.500.000 đồng (năm triệu năm trăm nghìn đồng) theo quy định tại Điều 165, Điều 166 Bộ luật tố tụng dân sự. Số tiền này ông L đã nộp thanh toán xong nên bà S và anh M phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông L số tiền là 5.500.000 đồng (bà S và anh M mỗi người phải hoàn trả cho ông L số tiền là 2.750.000 đồng).

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Trịnh Thị S phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch tương ứng với số tiền bà S có trách nhiệm trả cho ông L là 3.916.000 đồng (ba triệu chín trăm mười sáu nghìn đồng).

Buộc anh Nguyễn Minh M phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch tương ứng với số tiền anh M có trách nhiệm trả cho ông L là 3.916.000 đồng (ba triệu chín trăm mười sáu nghìn đồng).

Ông Trần Văn L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.625.000 đồng (hai triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003257 ngày 13/05/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 615 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án; Điều 91, Điều 92, Điều 165, Điều 166, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn L với bị đơn bà Trịnh Thị S và anh Nguyễn Minh M về việc “Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại”.

2. Buộc bà Trịnh Thị S phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn L số tiền là 78.325.500 đồng (bảy mươi tám triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

3. Buộc Anh Nguyễn Minh M phải có trách nhiệm trả cho ông Trần Văn L số tiền là 78.325.500 đồng (bảy mươi tám triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

Ngoài số tiền trên, từ ngày 13/8/2024 cho đến khi thi hành án xong số tiền

còn phải thi hành án, hàng tháng bà Trịnh Thị S và anh Nguyễn Minh M còn phải trả cho ông Trần Văn L tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Để đảm bảo việc thi hành án, sau khi án có hiệu lực và có đơn yêu cầu thi hành án của ông Trần Văn L mà bà Trịnh Thị S và anh Nguyễn Minh M không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho ông Trần Văn L theo bản án này, thì ông Trần Văn L có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng xác minh, kê biên xử lý toàn bộ di sản ông Nguyễn Văn M1 để lại để thi hành án trả nợ cho ông L trong phạm vi di sản do ông Nguyễn Văn M1 để lại. 5. Buộc ông Trần Văn L phải có nghĩa vụ trả lại cho anh Nguyễn Minh M (con ruột ông M1 là người đang quản lý di sản của ông Nguyễn Văn M1) 01 bản chính giấy chứng nhận QSD đất số CA 562857 do UBND huyện U Minh Thượng cấp cho ông Nguyễn Văn M1 ngày 17/05/2017 (trừ trường hợp quyền sử dụng đất bị kê biên, xử lý để thi hành án).

6. Về chi phí định giá: Buộc bà Trịnh Thị S và anh Nguyễn Minh M phải chịu toàn bộ tiền chi phí định giá là 5.500.000 đồng (năm triệu năm trăm nghìn đồng). Số tiền này ông Trần Văn L đã nộp thanh toán xong nên bà Trịnh Sáng và anh Nguyễn Minh M phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Trần Văn L. Bà S có nghĩa vụ hoàn trả cho ông L số tiền là 2.750.000 đồng (hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng); anh M có nghĩa vụ hoàn trả cho ông L số tiền là 2.750.000 đồng (hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

7. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Trịnh Thị S phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.916.000 đồng (ba triệu chín trăm mười sáu nghìn đồng).

Buộc anh Nguyễn Minh M phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.916.000 đồng (ba triệu chín trăm mười sáu nghìn đồng).

Ông Trần Văn L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.625.000 đồng (hai triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003257 ngày 13/05/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện U Minh Thượng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện U Minh Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Khanh